

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	9	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1650	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	332	NT: 1,28 MG: 0,87
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	474,1	1,22
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	140	0,36
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	170,3	0,44
5	Diện tích phòng GD nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	0	
6	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	92	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	9	09/09
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	7	7/sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	9	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	9	1 tivi/ lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	3	
3	Máy photo	1	
4	Cassette	9	
5	Đầu Video/đầu đĩa		
6	Máy in	5	
7	Bàn ghế đúng quy cách	127 bàn 304 ghế	Nhà trẻ và mẫu giáo

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Cẩm Hồng